

Số: 24 /NQ-HĐND

Thạch An, ngày 20 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Thạch An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN
KHÓA XX KỶ HỌP THỨ 13

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 6 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân huyện Thạch An về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An;*

*Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An;*

Căn cứ Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết 12/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 3);

Căn cứ Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 4);

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 5);

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Thạch An (lần 6);

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương huyện Thạch An (lần 7);

Xét Tờ trình số 176 /TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An xem xét ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Thạch An; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Thạch An là: 8.744 triệu đồng, gồm:

- Vốn ngân sách địa phương: 8.744 triệu đồng, trong đó:
- + Vốn cân đối ngân sách địa phương tỉnh bố trí: 244 triệu đồng (*Chi tiết biểu số 02 kèm theo*).
- + Vốn cân đối ngân sách địa phương huyện bố trí: 8.500 triệu đồng (*Chi tiết biểu số 02 kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện khi cần điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương: Hội đồng nhân dân

huyện giao Ủy ban nhân dân huyện xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân huyện trước khi quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạch An khóa XX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Thị Thiết



Biểu số 1
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư					Năm 2023						Lũy kế vốn đã bổ tri đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch 2024				Ghi chú						
						TMDT					Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023																		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác																							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28						
	TỔNG SỐ					112.094,000	60.129,000	10.911,000	23.476,000	1.900,000	5.140,000	5.140,000	-	-	5.140,000	5.140,000	5.440,000	5.440,000	22.940,138	22.940,138	-	-	8.744,000	8.744,000	-	-	-	-					
	Vốn ngân sách địa phương					112.094,000	60.129,000	10.911,000	23.476,000	1.900,000	5.140,000	5.140,000	-	-	5.140,000	5.140,000	5.440,000	5.440,000	22.940,138	22.940,138	-	-	8.744,000	8.744,000	-	-	-	-					
I	Tỉnh bố trí					9.280,000	6.009,000	3.271,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.271,000	3.271,000	-	-	244,000	244,000	-	-	-	-					
1	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					9.280,000	6.009,000	3.271,000											3.271,000	3.271,000			244,000	244,000									
II	Huyện bố trí					102.814,000	54.120,000	7.640,000	23.476,000	1.900,000	5.140,000	5.140,000	-	-	5.140,000	5.140,000	5.440,000	5.440,000	19.669,138	19.669,138	-	-	8.500,000	8.500,000	-	-	-	-					
1	Phân bổ ngành, lĩnh vực					37.528,000	-	-	19.930,000	1.900,000	4.066,500	4.066,500	-	-	4.066,500	4.066,500	4.366,500	4.366,500	16.123,138	16.123,138	-	-	6.027,500	6.027,500	-	-	-	-					
	Dự án nhóm c																																
1.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					14.100,000			9.700,000	1.900,000	4.016,500	4.016,500			4.016,500	4.016,500	4.316,500	4.316,500	9.700,000	9.700,000	-	-	1.573,722	1.573,722	-	-	-	-					
1.2	Các dự án khởi công mới năm 2024					5.198,000		-	3.500,000	-	50,000	50,000	-	-	50,000	50,000	50,000	50,000	3.500,000	3.500,000	-	-	2.701,778	2.701,778	-	-	-	-					
1.3	Các dự án chuẩn bị đầu tư					18.230,000			6.730,000										2.923,138	2.923,138			1.752,000	1.752,000									
2	Đổi ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia					65.286,000	54.120,000	7.640,000	3.546,000	-	1.073,500	1.073,500	-	-	1.073,500	1.073,500	1.073,500	1.073,500	3.546,000	3.546,000	-	-	2.472,500	2.472,500	-	-	-	-					
2.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					65.286,000	54.120,000	7.640,000	3.546,000		1.073,500	1.073,500			1.073,500	1.073,500	1.073,500	1.073,500	3.546,000	3.546,000			2.472,500	2.472,500									



Biểu số 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư					Năm 2023						Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch 2024				Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/10/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023														
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó																				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện																			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
	TỔNG SỐ					111.396,000	60.129,000	10.911,000	23.476,000	1.900,000	5.140,000	5.140,000	-	-	5.140,000	5.140,000	5.440,000	5.440,000	22.940,138	22.940,138	-	-	8.744,000	8.744,000	-	-	-	-
*	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức					111.396,000	60.129,000	10.911,000	23.476,000	1.900,000	5.140,000	5.140,000	-	-	5.140,000	5.140,000	5.440,000	5.440,000	22.940,138	22.940,138	-	-	8.744,000	8.744,000	-	-	-	-
I	Tính bố trí					9.280,000	6.009,000	3.271,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.271,000	3.271,000	-	-	244,000	244,000	-	-	-	-
	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					9.280,000	6.009,000	3.271,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.271,000	3.271,000	-	-	244,000	244,000	-	-	-	-
(1)	Đường giao thông liên xã Nà Leng (Mình Khai) - Cầu Lạn (Đức Thông) huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Minh Khai - Xã Đức Thông	5km	2023-2025	696/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	9.280,000	6.009,000	3.271,000											3.271,000	3.271,000			244,000	244,000				
II	Huyện bố trí					102.116,000	54.120,000	7.640,000	23.476,000	1.900,000	5.140,000	5.140,000	-	-	5.140,000	5.140,000	5.440,000	5.440,000	19.669,138	19.669,138	-	-	8.500,000	8.500,000	-	-	-	-
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					79.386,000	54.120,000	7.640,000	13.246,000	1.900,000	5.090,000	5.090,000	-	-	5.090,000	5.090,000	5.390,000	5.390,000	13.246,000	13.246,000	-	-	4.046,222	4.046,222	-	-	-	-
I	Phân bổ các ngành, lĩnh vực					14.100,000	-	-	9.700,000	1.900,000	4.016,500	4.016,500	-	-	4.016,500	4.016,500	4.316,500	4.316,500	9.700,000	9.700,000	-	-	1.573,722	1.573,722	-	-	-	-
	Dự án nhóm c																											
1.1	Lĩnh vực quản lý nhà nước					1.400,000			1.400,000		485,500	485,500	-	-	485,500	485,500	785,500	785,500	1.400,000	1.400,000			110,000	110,000				
(1)	Ỗ hỗ trợ nông dân			2022-2025		400,000			400,000		100,000	100,000			100,000	100,000	200,000	200,000	400,000	400,000			100,000	100,000				
(2)	Trạm Y tế xã Thụy Hùng (hàng rào, sân bê tông, nhà để xe)	xã Thụy Hùng		2022	996/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	1.000,000			1.000,000		385,500	385,500			385,500	385,500	585,500	585,500	1.000,000	1.000,000			10,000	10,000				
1.2	Lĩnh vực kinh tế					8.300,000	-	-	5.800,000	-	3.175,000	3.175,000	-	-	3.175,000	3.175,000	3.175,000	3.175,000	5.800,000	5.800,000	-	-	1.063,722	1.063,722	-	-	-	-
(1)	Xây dựng mới trụ sở làm việc xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn I	xã Kim Đồng		2023-2025	QĐ 2233-22/11/2021 và QĐ 3461 - 029/11/2021	7.500,000			5.000,000		2.500,000	2.500,000			2.500,000	2.500,000	2.500,000	2.500,000	5.000,000	5.000,000			960,000	960,000				
(2)	Xây dựng các hạng mục phụ trợ phân trường Mầm non Nà Danh	xã Lê Lai	xây dựng hàng rào, đường lên trường	2023-2024	QĐ 639/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	800,000			800,000		675,000	675,000			675,000	675,000	675,000	675,000	800,000	800,000			103,722	103,722				
1.3	Lĩnh vực giao thông					4.400,000			2.500,000	1.900,000	356,000	356,000			356,000	356,000	356,000	356,000	2.500,000	2.500,000			400,000	400,000				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023						Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch 2024				Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/10/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023													
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác											Thu hồi các khoản vốn ینگ trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ینگ trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
(1)	Cầu và đường dẫn Nà Ngải xã Trọng Con, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	xã Trọng Con	Cầu và đường dẫn	2023-2025	QĐ 1312/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	4.400,000			2.500,000	1.900,000	356,000	356,000			356,000	356,000	356,000	356,000	2.500,000	2.500,000			400,000	400,000			
2	Đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia					65.286,000	54.120,000	7.640,000	3.546,000	-	1.073,500	1.073,500	-	-	1.073,500	1.073,500	1.073,500	1.073,500	3.546,000	3.546,000	-	-	2.472,500	2.472,500	-	-	-
2.1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					65.286,000	54.120,000	7.640,000	3.546,000	-	1.073,500	1.073,500	-	-	1.073,500	1.073,500	1.073,500	1.073,500	3.546,000	3.546,000	-	-	2.472,500	2.472,500	-	-	-
(1)	Dự án bố trí ổn định dân cư thiên tai thôn Năm Dạng, Pò làng xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	xã Quang Trọng	44 hộ dân	2021-2023	QĐ 1532/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	30.866,000	29.000,000		1.886,000		733,500	733,500			733,500	733,500	733,500	733,500	1.886,000	1.886,000			1.152,500	1.152,500			
(2)	Nâng đường liên xã Kim Đồng-Canh Tân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	xã Kim Đồng, Canh Tân	L=8km	2022-2024	2580/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.800,000	10.560,000	1.600,000	640,000		340,000	340,000			340,000	340,000	340,000	340,000	640,000	640,000			300,000	300,000			
(3)	Trạm Y tế xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Lê Lợi	237	2022-2024	2914/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	6.720,000	4.000,000	2.040,000	680,000									680,000	680,000			680,000	680,000				
(4)	Đường GT Nặm Dạng (Quang Trọng) huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng - Vũ Loan (Nà Ri) tỉnh Bắc Kạn	xã Quang Trọng	6,6km	2022-2024	1532/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	14.900,000	10.560,000	4.000,000	340,000									340,000	340,000			340,000	340,000				
*	Các dự án khởi công mới năm 2024					5.198,000	-	-	4.198,000	-	50,000	50,000	-	-	50,000	50,000	50,000	50,000	4.198,000	4.198,000	-	-	3.399,778	3.399,778	-	-	-
1	Phân bổ các ngành, lĩnh vực					5.198,000	-	-	4.198,000	-	50,000	50,000	-	-	50,000	50,000	50,000	50,000	4.198,000	4.198,000	-	-	3.399,778	3.399,778	-	-	-
1.1	Lĩnh vực: Quốc phòng					2.500,000	-	-	2.500,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.500,000	2.500,000	-	-	2.500,000	2.500,000	-	-	-
(1)	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng năm 2024	xã Trọng Con		2024	QĐ 05/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	2.500,000			2.500,000									2.500,000	2.500,000			2.500,000	2.500,000				
1.2	Lĩnh vực khác					2.000,000	-	-	1.000,000	-	50,000	50,000	-	-	50,000	50,000	50,000	50,000	1.000,000	1.000,000	-	-	201,778	201,778	-	-	-
(1)	Khu trung tâm cây xanh thể dục thể thao	TT Đồng khê		2024-2026	QĐ 2735u/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	2.000,000			1.000,000		50,000	50,000			50,000	50,000	50,000	50,000	1.000,000	1.000,000			201,778	201,778			
1.3	Phân bổ vốn dự phòng 5%					698,000	-	-	698,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	698,000	698,000	-	-	698,000	698,000	-	-	-
(1)	Xây dựng Kí ốt chợ trung tâm huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TT Đồng khê		2024	QĐ 3061/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	698,000			698,000									698,000	698,000			698,000	698,000				
*	Các dự án chuẩn bị đầu tư					17.532,000	-	-	6.032,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.225,138	2.225,138	-	-	1.054,000	1.054,000	-	-	-
1	Phân bổ các ngành, lĩnh vực					17.532,000	-	-	6.032,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.225,138	2.225,138	-	-	1.054,000	1.054,000	-	-	-
1.1	Lĩnh vực khác					17.532,000	-	-	6.032,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.225,138	2.225,138	-	-	1.054,000	1.054,000	-	-	-



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023						Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch 2024				Ghi chú												
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Kế hoạch		Giải ngân từ 01/01/2023 đến 30/10/2023		Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023																							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP										
							NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tăng thu và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)												Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
(1)	Nhà bia+ Nhà văn hóa TT Đông Khê	TT Đông Khê		2025-2027		4.882,000			4.882,000									1.075,138	1.075,138			54,000	54,000														
1.2	Phân bổ vốn dự phòng 5%					12.650,000	-	-	1.150,000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.150,000	1.150,000	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	-											
	Dự án chuẩn bị đầu tư					12.650,000	-	-	1.150,000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.150,000	1.150,000	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	-											
(1)	Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TT Đông Khê		2023-2025	NQ 98/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	12.650,000			1.150,000									1.150,000	1.150,000			1.000,000	1.000,000														

Ug